

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 66/2024/DSST

Ngày: 03 – 6 – 2024.

“ V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lập.

2/ Bà Trần Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2023/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXX - ST ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị L** – sinh năm: 1970 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp An Phước, xã Trung An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Chị **Lê Mã Mộng T** – sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phong Thới, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:**

- Ngày 10/01/2022 chị T có vay của chị số tiền 12.500.000đ, khi vay có làm biên nhận mượn nợ, lãi xuất do các bên thỏa thuận. Chị có nhận tiền lãi do chị T trả khoản 1.500.000đ, sau đó chị T ngưng không đóng tiền lãi và trả tiền vốn cho chị. Sau đó chị có L hệ gặp chị T nhiều lần để yêu cầu chị T thanh toán tiền vốn và lãi cho chị theo như thỏa thuận nhưng chị T chỉ hứa chứ không thanh toán.

Đến nay chị T còn nợ chị số tiền vốn là 12.500.000đ. Chị yêu cầu chị T trả cho chị số tiền nợ vay là 12.500.000đ và yêu cầu thanh toán tiền lãi với mức lãi suất

1%/tháng từ tháng 05/2022 đến tháng 05/2024 là 24 tháng: $12.500.000đ \times 1\% \times 24$ tháng = 3.000.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ chị Lê Mã Mộng T lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị L và chị Lê Mã Mộng T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Chị L trình bày ngày 10/01/2022 chị có cho chị L vay số tiền 12.500.000đ lãi suất thỏa thuận là 3% tháng, sau khi vay thì chị T có đóng lãi được khoản 1.500.000đ rồi ngưng luôn không đóng lãi cũng không trả vốn. Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho chị T nhưng phía chị T vẫn cố tình lánh mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình. Chị L có nộp biên nhận nợ bản chính cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

[3.1] Trong hợp đồng vay tài sản trên chị L đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giao đủ số tiền cần vay cho chị T, sau khi nhận tiền chị T không thực hiện nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi theo đúng thời gian thỏa thuận làm cho quyền lợi của chị L bị thiệt hại. Chị T đã được tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải và quyết định xét xử lần thứ hai của Tòa án nhưng chị T vẫn không đến Tòa án trình bày có hay không việc vay mượn tiền trên. Điều này đồng nghĩa với việc chị T đã thừa nhận có nợ tiền vay của chị L vì không có ý kiến phản bác. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ nêu trên xác định đã có đủ cơ sở buộc chị T có trách nhiệm trả cho chị L số tiền vốn và lãi là 15.500.000đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp số tiền 775.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463; 465; 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị L.

Buộc chị Lê Mã Mộng T có trách nhiệm trả cho chị Trương Thị L số tiền nợ vốn là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), lãi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Án phí sơ thẩm:**

+ Buộc chị Lê Mã Mộng T phải nộp án phí là 775.000đ (Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Chị Trương Thị L không phải nộp án phí hoàn trả lại cho chị Trương Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000đ (Ba trăm năm chục ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008453 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Mỡn